TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

2. Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký Phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn Phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 474, đường Số 14, khu dân cư Th, Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông B , sinh năm 1994; Địa chỉ: Số 7A/2 đường Ng, Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà A trình bày:

Năm 2020, bà và ông B quen biết nhau trên cơ sở tự tìm hiểu, có tình cảm và tiến tới tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B , tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 09/12/2020. Sau khi cưới, vì công việc nên vợ chồng không sống chung nhà, tuy nhiên cũng có cuộc sống hạnh phúc thời gian đầu, cùng xây dựng gia đình và cùng nuôi dạy con chung. Bà trình bày đến khoảng tháng 02 năm 2022, vợ chồng bắt đầu mâu

thuẫn do tính tình không hợp, dù ông bà đã cố gắng tạo nhiều cơ hội gii3 quyết vướng mắc nhưng không hàn gắn được. Đầu năm 2023, ông bà chính thức ly thân, không ai còn quan tâm đến đời sống riêng của ai. Từ khi ly thân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không còn sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Vì vậy, sau thời gian dài cố gắng nhưng không có kết quả nên bà khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà A yêu cầu ly hôn với ông B .

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 27/10/2020. Khi ly hôn, Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà A trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông B : Bị đơn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại Phiên tòa: Bà A vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt không rõ lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông B .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng

[1.1] Bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B , ông B có nơi cư trú tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Bà A có yêu cầu khởi kiện đối với ông B , xác định tư cách tham gia tố tụng của bà A là nguyên đơn, ông B là bị đơn.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại Phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tòa án đã tiến hành gửi cho bị đơn bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp; tống đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý, Thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo thực hiện quyền đưa ra yêu cầu phản tố, Thông báo về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu chứng cứ và Thông báo kết quả Phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn biết và thực hiện nhưng Tòa án không nhận

được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Đồng thời, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo căn cứ tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B , tỉnh Long An và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/12/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Bà A trình bày, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân ngày càng có nhiều rạn nứt. Ông bà cũng đã sống ly thân ly thân đầu năm 2023 cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng có quan lại gặp gỡ nhưng không còn sự quan tâm chăm sóc nhau. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt cho ông B các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông B đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà A, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của bà A và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nuôi con chung: Theo lời trình bày của bà A cùng các chứng cứ do bà A cung cấp thì ông bà có 01 con chung tên Trần Hoàng A, sinh ngày 27/10/2020. Bản thân bà đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con kể từ khi sinh ra cho đến thời điểm hiện tại và cả sau này nên bà đề nghị cho bà được tiếp tục nuôi con để giữ nguyên sự ổn định này. Ông B đã được cấp, tống đạt văn bản tố tụng thể hiện việc bà A đã nộp đơn ly hôn và yêu cầu nuôi con nhưng ông cũng không yêu cầu bà giao lại cháu Ân cho ông, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về vấn đề này. Xét thấy, khi ông bà sống ly thân thì cháu Ân do bà A trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, khả năng bà A chăm sóc con chung tốt. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, giao bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên ông B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Bà A trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà A về việc "Ly hôn" với ông B .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà A được ly hôn với ông B .

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 27/10/2020 cho Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Toà án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009862 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà A đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại Phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn B,
huyện B, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Thái Thị Thanh Thúy